

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2024/ST – HNGĐ
Ngày 27 tháng 3 năm 2024
“V/v Yêu cầu ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A – TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lệ Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thái Doãn Quỳnh và bà Trần Hải Yến

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Mạnh Cường - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phương Mai – Kiểm sát viên

Ngày 27/3/2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 138/2023/TLST – HNGĐ ngày 16/11/2023 về việc “Yêu cầu ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 15/3/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Tuyết M – Sinh năm: 1986

Địa chỉ: Tổ 14, phường T, thành phố L, tỉnh L – Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân T – Sinh năm: 1987

Địa chỉ: Thôn Vĩnh Yên, xã Vĩnh Sơn, huyện A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt.

- Người làm chứng: Bà Phan Thị L – Sinh năm: 1968

Địa chỉ: Thôn Vĩnh Yên, xã Vĩnh Sơn, huyện A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Tuyết M vắng mặt, nhưng trong đơn khởi kiện và lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án chị Trần Thị Tuyết M trình bày:

Chị Trần Thị Tuyết M và anh Nguyễn Xuân T kết hôn vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố L, tỉnh L. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính cách không hợp nhau. Trong cuộc sống vợ chồng không chia sẻ, không có tiếng nói chung, mặc dù vợ chồng đã bàn bạc, khuyên bảo nhau nhưng vẫn không tìm được tiếng nói chung. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị M đề nghị Tòa án giải quyết xin được ly hôn anh T; Về con chung: Không có con chung. Về tài sản chung và nợ: Không có tài sản chung gì và không nợ ai. Nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Ý kiến của anh Nguyễn Xuân T:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Xuân T vắng mặt, tuy nhiên, thông qua bà Phan Thị L là mẹ của anh T thì anh T có ý kiến là đồng ý ly hôn với chị M nhưng do hiện nay anh T đi làm ăn xa không về giải quyết được nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh T.

- *Tại phiên tòa người làm chứng bà Phan Thị L vắng mặt, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, bà Phan Thị L đã trình bày:*

Anh Nguyễn Xuân T là con trai của bà L, chị M là con dâu của bà. Anh T và chị M kết hôn vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố L, tỉnh L. Sau khi kết hôn vợ chồng anh T và chị M chung sống hạnh phúc được một thời gian thì đến năm 2022 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính cách không hợp nhau, nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, thời gian đầu anh T ở nhà cùng với gia đình bà Liệu, sau đó anh T đi làm ăn ở Miền Nam. Trước khi đi Miền Nam làm ăn sinh sống anh T có nói và bàn bạc với gia đình và thỉnh thoảng anh T có về thăm gia đình còn bình thường liên lạc với gia đình qua điện thoại. Việc chị M yêu cầu ly hôn thì anh T có biết vì khi Tòa án có giao giấy tờ liên quan đến việc ly hôn cho anh T do bà L nhận và bà L đã thông báo cho anh T biết. Sau khi biết việc chị M yêu cầu ly hôn thì anh T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị M. Tuy nhiên, hiện tại do làm việc ở xa không có điều kiện để về giải quyết vụ án được. Nên anh T đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và cho anh T được vắng mặt. Về con chung: Vợ chồng anh T và chị M không có con chung. Về tài sản chung và nợ: Anh T và chị M không có tài sản chung gì và không nợ ai.

- *Tại phiên Tòa đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến về vụ án và về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:*

* Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa. Nguyên đơn thực

hiện nghiêm túc quyền và nghĩa vụ của mình trong suốt quá trình điều tra, và xét xử. Đối với bị đơn đã được tổng đạt và thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ. Như vậy, vụ án đã được thụ lý, điều tra và xét xử đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 238; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho chị Trần Thị Tuyết M được ly hôn với anh Nguyễn Xuân T; Về nuôi con chung: Không có con chung; Về tài sản chung và nợ: Không; Về án phí: Chị Trần Thị Tuyết M phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đây là vụ án “Ly hôn”, bị đơn cư trú tại xã Vĩnh Sơn, huyện A, tỉnh Nghệ An. Nên Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An thụ lý và giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39 bộ luật Tố tụng Dân sự là có căn cứ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Xuân T vắng mặt, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và tài liệu chứng cứ liên quan cho anh T thông qua bà Phan Thị L là mẹ của anh T. Bà L đã nhận và báo lại cho anh T biết. Mặc dù, anh T có biết việc Tòa án đang giải quyết ly hôn theo yêu cầu của chị M nhưng anh T không có mặt và không cung cấp địa chỉ cư trú, nơi làm việc cho chị M cũng như Tòa án được biết. Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng anh T vẫn không có mặt, còn chị M có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Nên Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Tuyết M và anh Nguyễn Xuân T kết hôn với nhau vào năm 2017, đăng ký kết hôn tại UBND, phường T, thành phố L, tỉnh L.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn do do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính cách không hợp nhau. Do mâu thuẫn trầm trọng vợ chồng sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân giữa chị M và anh T không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị M đề nghị Tòa án giải quyết xin được ly hôn anh T.

Xét thấy mục đích của hôn nhân vợ chồng là cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc và cùng nhau chăm lo cuộc sống. Nhưng giữa chị M và anh T đã bỏ mặc nhau, không yêu thương, quý trọng, chăm sóc và giúp đỡ nhau, tình nghĩa vợ chồng không còn. Vì vậy, hôn nhân giữa chị M và anh T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không thể đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Tuyết M là phù hợp với khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình và cũng phù hợp với ý kiến của anh T là đồng ý ly hôn với chị Trần Thị Tuyết M.

[2.2]. *Về con chung*: Chị Trần Thị Tuyết M và anh Nguyễn Xuân T không có con chung.

[2.3]. *Về tài sản chung và nợ*: Chị Trần Thị Tuyết M và anh Nguyễn Xuân T không có tài sản chung gì và không nợ ai. Nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xét.

[2.4]. *Về án phí*: Chị Trần Thị Tuyết M phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- **Áp dụng**: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016.

- **Tuyên xử**:

+ **Về quan hệ hôn nhân**: Cho chị Trần Thị Tuyết M được ly hôn với anh Nguyễn Xuân T.

+ **Về con chung**: Chị Trần Thị Tuyết M và anh Nguyễn Xuân T không có con chung.

+ **Về tài sản chung và nợ**: Chị Trần Thị Tuyết M và anh Nguyễn Xuân T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ **Về án phí**: Chị Trần Thị Tuyết M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn (Đã nộp 300.000 đồng ngày 16/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Nghệ An).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND A;
- Chi cục THADS huyện A;
- UBND phường T, thành phố L, tỉnh L(Nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Lệ Hằng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Thái Doãn Quỳnh

Trần Hải Yến

Hoàng Thị Lệ Hằng

